**Sở GD-ĐT Hà Nội Kiểm tra giữa kì I - Năm học 2023-2024**

**Tr­ường THPT Trần Phú - HK Môn: Hóa 12 Ban CBA**

Thời gian: 45 phút

Họ tên học sinh: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .: . . . . . . . . . Lớp: 12. . .

***Học sinh chọn đáp án đúng***.

01. ; / = ~ 09. ; / = ~ 17. ; / = ~ 25. ; / = ~

02. ; / = ~ 10. ; / = ~ 18. ; / = ~ 26. ; / = ~

03. ; / = ~ 11. ; / = ~ 19. ; / = ~ 27. ; / = ~

04. ; / = ~ 12. ; / = ~ 20. ; / = ~ 28. ; / = ~

05. ; / = ~ 13. ; / = ~ 21. ; / = ~ 29. ; / = ~

06. ; / = ~ 14. ; / = ~ 22. ; / = ~ 30. ; / = ~

07. ; / = ~ 15. ; / = ~ 23. ; / = ~

08. ; / = ~ 16. ; / = ~ 24. ; / = ~

|  |
| --- |
| **Mã đề: 139** |

**Câu 1.** Lên men 45 gam glucozơ để điều chế ancol etylic, hiệu suất phản ứng 80%, thu được V lít khí CO2 (đktc). Giá trị của V là **A.** 11,20. **B.** 5,60. **C.** 4,48. **D.** 8,96**.**

**Câu 2.** Cho sơ đồ chuyển hoá: Triolein  X Y Z. Tên gọi của Z là

**A.** axit stearic. **B.** axit panmitic. **C.** axit linoleic. **D.** axit oleic.

**Câu 3.** Saccarozơ và glucozơ đều có phản ứng

**A.**  cộng H2 (Ni, to). **B.** với Cu(OH)2. **C.**  tráng bạc. **D.**  thủy phân.

**Câu 4.** Quả chuối xanh có chứa chất X làm iot chuyển thành màu xanh tím. Chất X là:

**A.** Tinh bột. **B.** Xenlulozơ. **C.** Glucozơ. **D.** Fructozơ.

**Câu 5.** Trong số các chất sau đây, chất nào có nhiệt độ sôi lớn nhất?

**A.** CH3CHO **B.** C3H7OH **C.** HCOOCH3 **D.** CH3COOH

**Câu 6.** Xenlulozơ có cấu tạo mạch không phân nhánh, mỗi gốc C6H10O5 có 3 nhóm OH, nên có thể viết là

**A.** [C6H5O2(OH)3]n. **B.** [C6H7O3(OH)2]n. **C.** [C6H7O2(OH)3]n. **D.** [C6H8O2(OH)3]n.

**Câu 7.** Tỉ khối hơi của một este no, đơn chức X so với hiđro là 30. Công thức phân tử của X là

**A.** C3H6O2. **B.** C4H8O2. **C.** C2H4O2. **D.** C5H10O2.

**Câu 8.** Số đồng phân este ứng với công thức phân tử C4H8O2 là **A.** 4. **B.** 5. **C.** 2. **D.** 6.

**Câu 9.** Hợp chất hữu cơ X có công thức phân tử là C4H8O3. X có khả năng tham gia phản ứng với Na, với dung dịch NaOH và phản ứng tráng bạc. Sản phẩm thuỷ phân của X trong môi trường kiềm có khả năng hoà tan Cu(OH)2 tạo thành dung dịch màu xanh lam. Công thức cấu tạo của X có thể là:

**A.**  CH3COOCH2CH2OH **B.** HCOOCH2CH2CH2OH **C.**  HCOOCH2CH(OH)CH3 **D.**  CH3CH(OH)CH(OH)CHO

**Câu 10.** Chất nào sau đây là axit béo?

**A.** Axit axetic. **B.** Axit propionic. **C.** Axit panmitic. **D.** Axit fomic.

**Câu 11.** Công thức của axit oleic là

**A.** C17H33COOH **B.** CH3COOH. **C.** HCOOH. **D.** C2H5COOH.

**Câu 12.** Metyl acrylat có công thức cấu tạo thu gọn là

**A.** CH2=CHCOOCH3. **B.** CH3COOCH3. **C.** CH3COOC2H5. **D.** C2H5COOCH3.

**Câu 13.** Chất nào sau đây thuộc loại monosaccarit?

**A.** Fructozơ. **B.** Xenlulozơ. **C.** Tinh bột. **D.** Saccarozơ.

**Câu 14.** Chất nào sau đây thuộc loại monosaccarit?

**A.** Glixerol. **B.** Glucozơ. **C.** Saccarozơ. **D.** Tinh bột.

**Câu 15.** Thủy phân hoàn toàn tinh bột, thu được monosaccarit X. Hiđro hóa X, thu được chất hữu cơ Y. Hai chất X, Y lần lượt là

**A.**  Glucozơ, axit gluconic.**B.**  Fructozơ, sobitol. **C.** Glucozơ, sobitol. **D.**  Saccarozơ, glucozơ.

**Câu 16.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

**A.** Các chất béo thường không tan trong nước và nhẹ hơn nước.

**B.** Triolein có khả năng tham gia phản ứng cộng hiđro khi đun nóng có xúc tác Ni.

**C.** Chất béo bị thủy phân khi đun nóng trong dung dịch kiềm.

**D.** Chất béo là trieste của etylen glicol với các axit béo.

**Câu 17.** Chất nào sau đây **không** tham gia phản ứng thủy phân?

**A.** Saccarozơ **B.** Tinh bột **C.** Protein **D.** Glucozơ

**Câu 18.**  Triolein **không** tác dụng với chất (hoặc dung dịch) nào sau đây?

**A.** H2 (xúc tác Ni, đun nóng). **B.** Cu(OH)2 (ở điều kiện thường).

**C.** H2O (xúc tác H2SO4 loãng, đun nóng). **D.** Dung dịch NaOH (đun nóng).

**Câu 19.** Thuỷ phân hoàn toàn tinh bột trong dung dịch axit vô cơ loãng, thu được chất hữu cơ X. Cho X phản ứng với khí H2 (xúc tác Ni, to), thu được chất hữu cơ Y. Các chất X, Y lần lượt là:

**A.** glucozơ, sobitol. **B.** glucozơ, fructozơ. **C.** glucozơ, etanol. **D.** glucozơ, saccarozơ.

**Câu 20.** Xenlulozơ thuộc loại polisaccarit, là thành phần chính tạo nên màng tế bào thực vật, có nhiều trong gỗ, bông gòn. Công thức của xenlulozơ là:

**A.**  C2H4O2. **B.** (C6H10O5)n. **C.** C6H12O6. **D.** C12H22O11.

**Câu 21.** Trong dung dịch, saccarozơ phản ứng với Cu(OH)2 cho dung dịch màu

**A.** nâu đỏ. **B.** tím. **C.** vàng. **D.** xanh lam.

**Câu 22.** Xà phòng hóa 8,8 gam etyl axetat bằng 200 ml dung dịch NaOH 0,2M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, cô cạn dung dịch thu được chất rắn khan có khối lượng là

**A.** 10,4 gam. **B.** 8,2 gam. **C.** 3,28 gam. **D.** 8,56 gam.

**Câu 23.** Cho sơ đồ chuyển hoá: Glucozơ → X → Y → CH3COOH. Hai chất X, Y lần lượt là

**A.** CH3CH(OH)COOH và CH3CHO. **B.** CH3CH2OH và CH3CHO.

**C.** CH3CHO và CH3CH2OH. **D.** CH3CH2OH và CH2=CH2.

**Câu 24.** Thuỷ phân 324 gam tinh bột với hiệu suất của phản ứng là 75%, khối lượng glucozơ thu được là

**A.** 270 gam **B.** 250 gam **C.** 300 gam. **D.** 360 gam

**Câu 25.** Este no, đơn chức, mạch hở có công thức phân tử là

**A.** CnH2nO (n≥2). **B.** CnHnO3 (n≥2). **C.** CnH2nO4 (n≥2). **D.** CnH2nO2 (n≥2).

**Câu 26.** Cho các phát biểu sau:(a) Glucozơ phản ứng với H2 (to, Ni) cho sản phẩm là sobitol.

(b) Trong môi trường axit, glucozơ và fructozơ có thể chuyển hóa lẫn nhau.

(c) Có thể phân biệt glucozơ và fructozơ bằng phản ứng với nước brom.

(d) Trong dung dịch, glucozơ và fructozơ đều hòa tan Cu(OH)2 ở nhiệt độ thường cho dung dịch màu xanh lam.

(e) Fructozơ là hợp chất đa chức.

(f) Có thể điều chế ancol etylic từ glucozơ bằng phương pháp lên men.

Số phát biểu đúng là: **A.** 2. **B.** 4. **C.** 3. **D.** 5.

**Câu 27.** Người ta dùng glucozơ để tráng ruột phích. Trung bình cần dùng 0,75 gam glucozơ cho một ruột phích. Tính khối lượng Ag có trong ruột phích biết hiệu suất phản ứng là 80%.

**A.**  0,45. **B.** 0,9. **C.**  0,36. **D.** 0,72.

**Câu 28.** Cho dãy các chất: phenyl axetat, anlyl axetat, metyl axetat, etyl fomat, tripanmitin. Số chất trong dãy khi thủy phân trong dung dịch NaOH (dư), đun nóng sinh ra ancol là:

**A.**  2 **B.**  3 **C.** 4 **D.**  5

**Câu 29.** Cho các phản ứng xảy ra theo sơ đồ sau:







Chất X là**A.**  etyl axetat **B.** vinyl axetat **C.**  etyl format **D.** metyl acrylat

**Câu 30.** Este nào sau đây có mùi thơm của chuối chín?

**A.** Benzyl axetat. **B.** Isopropyl axetat. **C.** Propyl axetat. **D.** Isoamyl axetat. **Sở GD-ĐT Hà Nội Kiểm tra giữa kì I - Năm học 2023-2024**

**Tr­ường THPT Trần Phú - HK Môn: Hóa 12 Ban CBA**

Thời gian: 45 phút

Họ tên học sinh: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .: . . . . . . . . . Lớp: 12. . .

***Học sinh chọn đáp án đúng***.

01. ; / = ~ 09. ; / = ~ 17. ; / = ~ 25. ; / = ~

02. ; / = ~ 10. ; / = ~ 18. ; / = ~ 26. ; / = ~

03. ; / = ~ 11. ; / = ~ 19. ; / = ~ 27. ; / = ~

04. ; / = ~ 12. ; / = ~ 20. ; / = ~ 28. ; / = ~

05. ; / = ~ 13. ; / = ~ 21. ; / = ~ 29. ; / = ~

06. ; / = ~ 14. ; / = ~ 22. ; / = ~ 30. ; / = ~

07. ; / = ~ 15. ; / = ~ 23. ; / = ~

08. ; / = ~ 16. ; / = ~ 24. ; / = ~

|  |
| --- |
| **Mã đề: 173** |

**Câu 1.** Trong dung dịch, saccarozơ phản ứng với Cu(OH)2 cho dung dịch màu

**A.** nâu đỏ. **B.** tím. **C.** vàng. **D.** xanh lam.

**Câu 2.** Xà phòng hóa 8,8 gam etyl axetat bằng 200 ml dung dịch NaOH 0,2M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, cô cạn dung dịch thu được chất rắn khan có khối lượng là

**A.** 8,2 gam. **B.** 8,56 gam. **C.** 10,4 gam. **D.** 3,28 gam.

**Câu 3.** Este nào sau đây có mùi thơm của chuối chín?

**A.** Propyl axetat. **B.** Isoamyl axetat. **C.** Benzyl axetat. **D.** Isopropyl axetat.

**Câu 4.** Este no, đơn chức, mạch hở có công thức phân tử là

**A.** CnH2nO (n≥2). **B.** CnH2nO4 (n≥2). **C.** CnH2nO2 (n≥2). **D.** CnHnO3 (n≥2).

**Câu 5.** Trong số các chất sau đây, chất nào có nhiệt độ sôi lớn nhất?

**A.** CH3COOH **B.** C3H7OH **C.** HCOOCH3 **D.** CH3CHO

**Câu 6.** Chất nào sau đây thuộc loại monosaccarit?

**A.** Xenlulozơ. **B.** Fructozơ. **C.** Saccarozơ. **D.** Tinh bột.

**Câu 7.** Thủy phân hoàn toàn tinh bột, thu được monosaccarit X. Hiđro hóa X, thu được chất hữu cơ Y. Hai chất X, Y lần lượt là

**A.**  Saccarozơ, glucozơ. **B.**  Fructozơ, sobitol. **C.** Glucozơ, sobitol. **D.**  Glucozơ, axit gluconic.

**Câu 8.** Chất nào sau đây **không** tham gia phản ứng thủy phân?

**A.** Tinh bột **B.** Saccarozơ **C.** Protein **D.** Glucozơ

**Câu 9.** Công thức của axit oleic là

**A.** CH3COOH. **B.** HCOOH. **C.** C17H33COOH **D.** C2H5COOH.

**Câu 10.** Quả chuối xanh có chứa chất X làm iot chuyển thành màu xanh tím. Chất X là:

**A.** Tinh bột. **B.** Glucozơ. **C.** Fructozơ. **D.** Xenlulozơ.

**Câu 11.** Cho sơ đồ chuyển hoá: Glucozơ → X → Y → CH3COOH. Hai chất X, Y lần lượt là

**A.** CH3CH(OH)COOH và CH3CHO. **B.** CH3CHO và CH3CH2OH.

**C.** CH3CH2OH và CH3CHO. **D.** CH3CH2OH và CH2=CH2.

**Câu 12.** Xenlulozơ thuộc loại polisaccarit, là thành phần chính tạo nên màng tế bào thực vật, có nhiều trong gỗ, bông gòn. Công thức của xenlulozơ là:

**A.** (C6H10O5)n. **B.** C6H12O6. **C.** C12H22O11. **D.**  C2H4O2.

**Câu 13.** Cho dãy các chất: phenyl axetat, anlyl axetat, metyl axetat, etyl fomat, tripanmitin. Số chất trong dãy khi thủy phân trong dung dịch NaOH (dư), đun nóng sinh ra ancol là:

**A.**  5 **B.** 4 **C.**  2 **D.**  3

**Câu 14.** Thuỷ phân 324 gam tinh bột với hiệu suất của phản ứng là 75%, khối lượng glucozơ thu được là

**A.** 360 gam **B.** 270 gam **C.** 250 gam **D.** 300 gam.

**Câu 15.** Cho các phản ứng xảy ra theo sơ đồ sau:







Chất X là**A.**  etyl format **B.** vinyl axetat **C.** metyl acrylat **D.**  etyl axetat

**Câu 16.**  Triolein **không** tác dụng với chất (hoặc dung dịch) nào sau đây?

**A.** H2O (xúc tác H2SO4 loãng, đun nóng). **B.** Cu(OH)2 (ở điều kiện thường).

**C.** H2 (xúc tác Ni, đun nóng). **D.** Dung dịch NaOH (đun nóng).

**Câu 17.** Metyl acrylat có công thức cấu tạo thu gọn là

**A.** C2H5COOCH3. **B.** CH3COOCH3. **C.** CH3COOC2H5. **D.** CH2=CHCOOCH3.

**Câu 18.** Lên men 45 gam glucozơ để điều chế ancol etylic, hiệu suất phản ứng 80%, thu được V lít khí CO2 (đktc). Giá trị của V là **A.** 11,20. **B.** 5,60. **C.** 8,96**. D.** 4,48.

**Câu 19.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

**A.** Các chất béo thường không tan trong nước và nhẹ hơn nước.

**B.** Chất béo bị thủy phân khi đun nóng trong dung dịch kiềm.

**C.** Chất béo là trieste của etylen glicol với các axit béo.

**D.** Triolein có khả năng tham gia phản ứng cộng hiđro khi đun nóng có xúc tác Ni.

**Câu 20.** Số đồng phân este ứng với công thức phân tử C4H8O2 là **A.** 4. **B.** 6. **C.** 5. **D.** 2.

**Câu 21.** Chất nào sau đây thuộc loại monosaccarit?

**A.** Glixerol. **B.** Tinh bột. **C.** Glucozơ. **D.** Saccarozơ.

**Câu 22.** Cho các phát biểu sau:(a) Glucozơ phản ứng với H2 (to, Ni) cho sản phẩm là sobitol.

(b) Trong môi trường axit, glucozơ và fructozơ có thể chuyển hóa lẫn nhau.

(c) Có thể phân biệt glucozơ và fructozơ bằng phản ứng với nước brom.

(d) Trong dung dịch, glucozơ và fructozơ đều hòa tan Cu(OH)2 ở nhiệt độ thường cho dung dịch màu xanh lam.

(e) Fructozơ là hợp chất đa chức.

(f) Có thể điều chế ancol etylic từ glucozơ bằng phương pháp lên men.

Số phát biểu đúng là: **A.** 3. **B.** 4. **C.** 5. **D.** 2.

**Câu 23.** Cho sơ đồ chuyển hoá: Triolein  X Y Z. Tên gọi của Z là

**A.** axit oleic. **B.** axit panmitic. **C.** axit stearic. **D.** axit linoleic.

**Câu 24.** Xenlulozơ có cấu tạo mạch không phân nhánh, mỗi gốc C6H10O5 có 3 nhóm OH, nên có thể viết là

**A.** [C6H8O2(OH)3]n. **B.** [C6H5O2(OH)3]n. **C.** [C6H7O3(OH)2]n. **D.** [C6H7O2(OH)3]n.

**Câu 25.** Thuỷ phân hoàn toàn tinh bột trong dung dịch axit vô cơ loãng, thu được chất hữu cơ X. Cho X phản ứng với khí H2 (xúc tác Ni, to), thu được chất hữu cơ Y. Các chất X, Y lần lượt là:

**A.** glucozơ, saccarozơ. **B.** glucozơ, fructozơ. **C.** glucozơ, sobitol. **D.** glucozơ, etanol.

**Câu 26.** Chất nào sau đây là axit béo?

**A.** Axit propionic. **B.** Axit fomic. **C.** Axit panmitic. **D.** Axit axetic.

**Câu 27.** Tỉ khối hơi của một este no, đơn chức X so với hiđro là 30. Công thức phân tử của X là

**A.** C4H8O2. **B.** C3H6O2. **C.** C2H4O2. **D.** C5H10O2.

**Câu 28.** Saccarozơ và glucozơ đều có phản ứng

**A.**  tráng bạc. **B.**  thủy phân. **C.** với Cu(OH)2. **D.**  cộng H2 (Ni, to).

**Câu 29.** Hợp chất hữu cơ X có công thức phân tử là C4H8O3. X có khả năng tham gia phản ứng với Na, với dung dịch NaOH và phản ứng tráng bạc. Sản phẩm thuỷ phân của X trong môi trường kiềm có khả năng hoà tan Cu(OH)2 tạo thành dung dịch màu xanh lam. Công thức cấu tạo của X có thể là:

**A.**  HCOOCH2CH(OH)CH3 **B.**  CH3CH(OH)CH(OH)CHO **C.**  CH3COOCH2CH2OH **D.** HCOOCH2CH2CH2OH

**Câu 30.** Người ta dùng glucozơ để tráng ruột phích. Trung bình cần dùng 0,75 gam glucozơ cho một ruột phích. Tính khối lượng Ag có trong ruột phích biết hiệu suất phản ứng là 80%.

**A.**  0,45. **B.** 0,9. **C.** 0,72. **D.**  0,36. **Sở GD-ĐT Hà Nội Kiểm tra giữa kì I - Năm học 2023-2024**

**Tr­ường THPT Trần Phú - HK Môn: Hóa 12 Ban CBA**

Thời gian: 45 phút

Họ tên học sinh: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .: . . . . . . . . . Lớp: 12. . .

***Học sinh chọn đáp án đúng***.

01. ; / = ~ 09. ; / = ~ 17. ; / = ~ 25. ; / = ~

02. ; / = ~ 10. ; / = ~ 18. ; / = ~ 26. ; / = ~

03. ; / = ~ 11. ; / = ~ 19. ; / = ~ 27. ; / = ~

04. ; / = ~ 12. ; / = ~ 20. ; / = ~ 28. ; / = ~

05. ; / = ~ 13. ; / = ~ 21. ; / = ~ 29. ; / = ~

06. ; / = ~ 14. ; / = ~ 22. ; / = ~ 30. ; / = ~

07. ; / = ~ 15. ; / = ~ 23. ; / = ~

08. ; / = ~ 16. ; / = ~ 24. ; / = ~

|  |
| --- |
| **Mã đề: 207** |

**Câu 1.** Người ta dùng glucozơ để tráng ruột phích. Trung bình cần dùng 0,75 gam glucozơ cho một ruột phích. Tính khối lượng Ag có trong ruột phích biết hiệu suất phản ứng là 80%.

**A.** 0,9. **B.** 0,72. **C.**  0,36. **D.**  0,45.

**Câu 2.** Chất nào sau đây là axit béo?

**A.** Axit axetic. **B.** Axit propionic. **C.** Axit panmitic. **D.** Axit fomic.

**Câu 3.** Số đồng phân este ứng với công thức phân tử C4H8O2 là **A.** 4. **B.** 5. **C.** 6. **D.** 2.

**Câu 4.** Xà phòng hóa 8,8 gam etyl axetat bằng 200 ml dung dịch NaOH 0,2M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, cô cạn dung dịch thu được chất rắn khan có khối lượng là

**A.** 10,4 gam. **B.** 8,2 gam. **C.** 3,28 gam. **D.** 8,56 gam.

**Câu 5.** Công thức của axit oleic là

**A.** C2H5COOH. **B.** HCOOH. **C.** CH3COOH. **D.** C17H33COOH

**Câu 6.** Xenlulozơ có cấu tạo mạch không phân nhánh, mỗi gốc C6H10O5 có 3 nhóm OH, nên có thể viết là

**A.** [C6H8O2(OH)3]n. **B.** [C6H7O2(OH)3]n. **C.** [C6H7O3(OH)2]n. **D.** [C6H5O2(OH)3]n.

**Câu 7.** Metyl acrylat có công thức cấu tạo thu gọn là

**A.** C2H5COOCH3. **B.** CH3COOCH3. **C.** CH3COOC2H5. **D.** CH2=CHCOOCH3.

**Câu 8.** Trong dung dịch, saccarozơ phản ứng với Cu(OH)2 cho dung dịch màu

**A.** nâu đỏ. **B.** vàng. **C.** xanh lam. **D.** tím.

**Câu 9.** Chất nào sau đây **không** tham gia phản ứng thủy phân?

**A.** Glucozơ **B.** Tinh bột **C.** Protein **D.** Saccarozơ

**Câu 10.** Hợp chất hữu cơ X có công thức phân tử là C4H8O3. X có khả năng tham gia phản ứng với Na, với dung dịch NaOH và phản ứng tráng bạc. Sản phẩm thuỷ phân của X trong môi trường kiềm có khả năng hoà tan Cu(OH)2 tạo thành dung dịch màu xanh lam. Công thức cấu tạo của X có thể là:

**A.**  CH3COOCH2CH2OH **B.**  HCOOCH2CH(OH)CH3 **C.**  CH3CH(OH)CH(OH)CHO **D.** HCOOCH2CH2CH2OH

**Câu 11.** Este nào sau đây có mùi thơm của chuối chín?

**A.** Isopropyl axetat. **B.** Isoamyl axetat. **C.** Benzyl axetat. **D.** Propyl axetat.

**Câu 12.** Este no, đơn chức, mạch hở có công thức phân tử là

**A.** CnHnO3 (n≥2). **B.** CnH2nO4 (n≥2). **C.** CnH2nO2 (n≥2). **D.** CnH2nO (n≥2).

**Câu 13.** Saccarozơ và glucozơ đều có phản ứng

**A.**  tráng bạc. **B.** với Cu(OH)2. **C.**  cộng H2 (Ni, to). **D.**  thủy phân.

**Câu 14.**  Triolein **không** tác dụng với chất (hoặc dung dịch) nào sau đây?

**A.** Dung dịch NaOH (đun nóng). **B.** H2O (xúc tác H2SO4 loãng, đun nóng).

**C.** Cu(OH)2 (ở điều kiện thường). **D.** H2 (xúc tác Ni, đun nóng).

**Câu 15.** Thuỷ phân hoàn toàn tinh bột trong dung dịch axit vô cơ loãng, thu được chất hữu cơ X. Cho X phản ứng với khí H2 (xúc tác Ni, to), thu được chất hữu cơ Y. Các chất X, Y lần lượt là:

**A.** glucozơ, fructozơ. **B.** glucozơ, sobitol. **C.** glucozơ, etanol. **D.** glucozơ, saccarozơ.

**Câu 16.** Chất nào sau đây thuộc loại monosaccarit?

**A.** Xenlulozơ. **B.** Saccarozơ. **C.** Tinh bột. **D.** Fructozơ.

**Câu 17.** Tỉ khối hơi của một este no, đơn chức X so với hiđro là 30. Công thức phân tử của X là

**A.** C3H6O2. **B.** C2H4O2. **C.** C4H8O2. **D.** C5H10O2.

**Câu 18.** Chất nào sau đây thuộc loại monosaccarit?

**A.** Glucozơ. **B.** Glixerol. **C.** Saccarozơ. **D.** Tinh bột.

**Câu 19.** Xenlulozơ thuộc loại polisaccarit, là thành phần chính tạo nên màng tế bào thực vật, có nhiều trong gỗ, bông gòn. Công thức của xenlulozơ là:

**A.**  C2H4O2. **B.** (C6H10O5)n. **C.** C6H12O6. **D.** C12H22O11.

**Câu 20.** Cho các phản ứng xảy ra theo sơ đồ sau:







Chất X là **A.**  etyl format **B.** metyl acrylat **C.** vinyl axetat **D.**  etyl axetat

**Câu 21.** Cho dãy các chất: phenyl axetat, anlyl axetat, metyl axetat, etyl fomat, tripanmitin. Số chất trong dãy khi thủy phân trong dung dịch NaOH (dư), đun nóng sinh ra ancol là: **A.**  2 **B.** 4 **C.**  3 **D.**  5

**Câu 22.** Cho sơ đồ chuyển hoá: Glucozơ → X → Y → CH3COOH. Hai chất X, Y lần lượt là

**A.** CH3CHO và CH3CH2OH. **B.** CH3CH2OH và CH2=CH2.

**C.** CH3CH(OH)COOH và CH3CHO. **D.** CH3CH2OH và CH3CHO.

**Câu 23.** Thuỷ phân 324 gam tinh bột với hiệu suất của phản ứng là 75%, khối lượng glucozơ thu được là

**A.** 250 gam **B.** 300 gam. **C.** 360 gam **D.** 270 gam

**Câu 24.** Trong số các chất sau đây, chất nào có nhiệt độ sôi lớn nhất?

**A.** HCOOCH3 **B.** CH3CHO **C.** C3H7OH **D.** CH3COOH

**Câu 25.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

**A.** Các chất béo thường không tan trong nước và nhẹ hơn nước.

**B.** Chất béo là trieste của etylen glicol với các axit béo.

**C.** Triolein có khả năng tham gia phản ứng cộng hiđro khi đun nóng có xúc tác Ni.

**D.** Chất béo bị thủy phân khi đun nóng trong dung dịch kiềm.

**Câu 26.** Quả chuối xanh có chứa chất X làm iot chuyển thành màu xanh tím. Chất X là:

**A.** Tinh bột. **B.** Fructozơ. **C.** Xenlulozơ. **D.** Glucozơ.

**Câu 27.** Cho sơ đồ chuyển hoá: Triolein  X Y Z. Tên gọi của Z là

**A.** axit linoleic. **B.** axit stearic. **C.** axit panmitic. **D.** axit oleic.

**Câu 28.** Thủy phân hoàn toàn tinh bột, thu được monosaccarit X. Hiđro hóa X, thu được chất hữu cơ Y. Hai chất X, Y lần lượt là

**A.**  Saccarozơ, glucozơ. **B.** Glucozơ, sobitol. **C.**  Fructozơ, sobitol. **D.**  Glucozơ, axit gluconic.

**Câu 29.** Lên men 45 gam glucozơ để điều chế ancol etylic, hiệu suất phản ứng 80%, thu được V lít khí CO2 (đktc). Giá trị của V là **A.** 11,20. **B.** 8,96**. C.** 5,60. **D.** 4,48.

**Câu 30.** Cho các phát biểu sau:(a) Glucozơ phản ứng với H2 (to, Ni) cho sản phẩm là sobitol.

(b) Trong môi trường axit, glucozơ và fructozơ có thể chuyển hóa lẫn nhau.

(c) Có thể phân biệt glucozơ và fructozơ bằng phản ứng với nước brom.

(d) Trong dung dịch, glucozơ và fructozơ đều hòa tan Cu(OH)2 ở nhiệt độ thường cho dung dịch màu xanh lam.

(e) Fructozơ là hợp chất đa chức.

(f) Có thể điều chế ancol etylic từ glucozơ bằng phương pháp lên men.

Số phát biểu đúng là:

**A.** 4. **B.** 5. **C.** 2. **D.** 3. **Sở GD-ĐT Hà Nội Kiểm tra giữa kì I - Năm học 2023-2024**

**Tr­ường THPT Trần Phú - HK Môn: Hóa 12 Ban CBA**

Thời gian: 45 phút

Họ tên học sinh: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .: . . . . . . . . . Lớp: 12D. . .

***Học sinh chọn đáp án đúng***.

01. ; / = ~ 09. ; / = ~ 17. ; / = ~ 25. ; / = ~

02. ; / = ~ 10. ; / = ~ 18. ; / = ~ 26. ; / = ~

03. ; / = ~ 11. ; / = ~ 19. ; / = ~ 27. ; / = ~

04. ; / = ~ 12. ; / = ~ 20. ; / = ~ 28. ; / = ~

05. ; / = ~ 13. ; / = ~ 21. ; / = ~ 29. ; / = ~

06. ; / = ~ 14. ; / = ~ 22. ; / = ~ 30. ; / = ~

07. ; / = ~ 15. ; / = ~ 23. ; / = ~

08. ; / = ~ 16. ; / = ~ 24. ; / = ~

|  |
| --- |
| **Mã đề: 241** |

**Câu 1.** Chất nào sau đây là axit béo?

**A.** Axit axetic. **B.** Axit fomic. **C.** Axit propionic. **D.** Axit panmitic.

**Câu 2.** Thuỷ phân hoàn toàn tinh bột trong dung dịch axit vô cơ loãng, thu được chất hữu cơ X. Cho X phản ứng với khí H2 (xúc tác Ni, to), thu được chất hữu cơ Y. Các chất X, Y lần lượt là:

**A.** glucozơ, sobitol. **B.** glucozơ, etanol. **C.** glucozơ, fructozơ. **D.** glucozơ, saccarozơ.

**Câu 3.** Người ta dùng glucozơ để tráng ruột phích. Trung bình cần dùng 0,75 gam glucozơ cho một ruột phích. Tính khối lượng Ag có trong ruột phích biết hiệu suất phản ứng là 80%.

**A.**  0,45. **B.** 0,9. **C.** 0,72. **D.**  0,36.

**Câu 4.** Quả chuối xanh có chứa chất X làm iot chuyển thành màu xanh tím. Chất X là:

**A.** Tinh bột. **B.** Xenlulozơ. **C.** Glucozơ. **D.** Fructozơ.

**Câu 5.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

**A.** Chất béo là trieste của etylen glicol với các axit béo.

**B.** Các chất béo thường không tan trong nước và nhẹ hơn nước.

**C.** Triolein có khả năng tham gia phản ứng cộng hiđro khi đun nóng có xúc tác Ni.

**D.** Chất béo bị thủy phân khi đun nóng trong dung dịch kiềm.

**Câu 6.** Chất nào sau đây thuộc loại monosaccarit?

**A.** Glixerol. **B.** Glucozơ. **C.** Tinh bột. **D.** Saccarozơ.

**Câu 7.** Công thức của axit oleic là

**A.** C17H33COOH **B.** C2H5COOH. **C.** CH3COOH. **D.** HCOOH.

**Câu 8.** Cho dãy các chất: phenyl axetat, anlyl axetat, metyl axetat, etyl fomat, tripanmitin. Số chất trong dãy khi thủy phân trong dung dịch NaOH (dư), đun nóng sinh ra ancol là: **A.** 4 **B.**  3 **C.**  5 **D.**  2

**Câu 9.** Thủy phân hoàn toàn tinh bột, thu được monosaccarit X. Hiđro hóa X, thu được chất hữu cơ Y. Hai chất X, Y lần lượt là **A.**  Fructozơ, sobitol. **B.**  Glucozơ, axit gluconic. **C.** Glucozơ, sobitol. **D.**  Saccarozơ, glucozơ.

**Câu 10.** Chất nào sau đây thuộc loại monosaccarit?

**A.** Fructozơ. **B.** Xenlulozơ. **C.** Tinh bột. **D.** Saccarozơ.

**Câu 11.** Lên men 45 gam glucozơ để điều chế ancol etylic, hiệu suất phản ứng 80%, thu được V lít khí CO2 (đktc). Giá trị của V là **A.** 11,20. **B.** 8,96**. C.** 5,60. **D.** 4,48.

**Câu 12.** Cho sơ đồ chuyển hoá: Glucozơ → X → Y → CH3COOH. Hai chất X, Y lần lượt là

**A.** CH3CH2OH và CH3CHO. **B.** CH3CHO và CH3CH2OH.

**C.** CH3CH2OH và CH2=CH2. **D.** CH3CH(OH)COOH và CH3CHO.

**Câu 13.** Este nào sau đây có mùi thơm của chuối chín?

**A.** Benzyl axetat. **B.** Isopropyl axetat. **C.** Isoamyl axetat. **D.** Propyl axetat.

**Câu 14.** Xenlulozơ có cấu tạo mạch không phân nhánh, mỗi gốc C6H10O5 có 3 nhóm OH, nên có thể viết là

**A.** [C6H7O3(OH)2]n. **B.** [C6H8O2(OH)3]n. **C.** [C6H7O2(OH)3]n. **D.** [C6H5O2(OH)3]n.

**Câu 15.** Hợp chất hữu cơ X có công thức phân tử là C4H8O3. X có khả năng tham gia phản ứng với Na, với dung dịch NaOH và phản ứng tráng bạc. Sản phẩm thuỷ phân của X trong môi trường kiềm có khả năng hoà tan Cu(OH)2 tạo thành dung dịch màu xanh lam. Công thức cấu tạo của X có thể là:

**A.**  CH3CH(OH)CH(OH)CHO **B.** HCOOCH2CH2CH2OH **C.**  CH3COOCH2CH2OH **D.**  HCOOCH2CH(OH)CH3

**Câu 16.** Este no, đơn chức, mạch hở có công thức phân tử là

**A.** CnH2nO4 (n≥2). **B.** CnHnO3 (n≥2). **C.** CnH2nO2 (n≥2). **D.** CnH2nO (n≥2).

**Câu 17.** Cho các phát biểu sau:(a) Glucozơ phản ứng với H2 (to, Ni) cho sản phẩm là sobitol.

(b) Trong môi trường axit, glucozơ và fructozơ có thể chuyển hóa lẫn nhau.

(c) Có thể phân biệt glucozơ và fructozơ bằng phản ứng với nước brom.

(d) Trong dung dịch, glucozơ và fructozơ đều hòa tan Cu(OH)2 ở nhiệt độ thường cho dung dịch màu xanh lam.

(e) Fructozơ là hợp chất đa chức.

(f) Có thể điều chế ancol etylic từ glucozơ bằng phương pháp lên men.

Số phát biểu đúng là: **A.** 4. **B.** 3. **C.** 2. **D.** 5.

**Câu 18.** Saccarozơ và glucozơ đều có phản ứng

**A.**  tráng bạc. **B.**  cộng H2 (Ni, to). **C.** với Cu(OH)2. **D.**  thủy phân.

**Câu 19.** Xenlulozơ thuộc loại polisaccarit, là thành phần chính tạo nên màng tế bào thực vật, có nhiều trong gỗ, bông gòn. Công thức của xenlulozơ là:

**A.** C6H12O6. **B.** (C6H10O5)n. **C.**  C2H4O2. **D.** C12H22O11.

**Câu 20.** Chất nào sau đây **không** tham gia phản ứng thủy phân?

**A.** Tinh bột **B.** Saccarozơ **C.** Protein **D.** Glucozơ

**Câu 21.** Trong số các chất sau đây, chất nào có nhiệt độ sôi lớn nhất?

**A.** HCOOCH3 **B.** CH3CHO **C.** CH3COOH **D.** C3H7OH

**Câu 22.** Thuỷ phân 324 gam tinh bột với hiệu suất của phản ứng là 75%, khối lượng glucozơ thu được là

**A.** 360 gam **B.** 270 gam **C.** 300 gam. **D.** 250 gam

**Câu 23.** Tỉ khối hơi của một este no, đơn chức X so với hiđro là 30. Công thức phân tử của X là

**A.** C4H8O2. **B.** C2H4O2. **C.** C5H10O2. **D.** C3H6O2.

**Câu 24.** Cho các phản ứng xảy ra theo sơ đồ sau:







Chất X là **A.**  etyl axetat **B.** metyl acrylat **C.** vinyl axetat **D.**  etyl format

**Câu 25.** Metyl acrylat có công thức cấu tạo thu gọn là

**A.** CH3COOCH3. **B.** CH3COOC2H5. **C.** C2H5COOCH3. **D.** CH2=CHCOOCH3.

**Câu 26.** Xà phòng hóa 8,8 gam etyl axetat bằng 200 ml dung dịch NaOH 0,2M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, cô cạn dung dịch thu được chất rắn khan có khối lượng là

**A.** 8,2 gam. **B.** 8,56 gam. **C.** 10,4 gam. **D.** 3,28 gam.

**Câu 27.** Số đồng phân este ứng với công thức phân tử C4H8O2 là **A.** 5. **B.** 4. **C.** 6. **D.** 2.

**Câu 28.** Trong dung dịch, saccarozơ phản ứng với Cu(OH)2 cho dung dịch màu

**A.** nâu đỏ. **B.** vàng. **C.** tím. **D.** xanh lam.

**Câu 29.**  Triolein **không** tác dụng với chất (hoặc dung dịch) nào sau đây?

**A.** H2O (xúc tác H2SO4 loãng, đun nóng). **B.** Dung dịch NaOH (đun nóng).

**C.** H2 (xúc tác Ni, đun nóng). **D.** Cu(OH)2 (ở điều kiện thường).

**Câu 30.** Cho sơ đồ chuyển hoá: Triolein  X Y Z. Tên gọi của Z là

**A.** axit linoleic. **B.** axit oleic. **C.** axit panmitic. **D.** axit stearic.  **Sở GD-ĐT Hà Nội Kiểm tra giữa kì I - Năm học 2023-2024**

**Tr­ường THPT Trần Phú - HK Môn: Hóa 12 Ban CBA**

Thời gian: 45 phút

Họ tên học sinh: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .: . . . . . . . . . Lớp: 12. . .

***Học sinh chọn đáp án đúng***.

01. ; / = ~ 09. ; / = ~ 17. ; / = ~ 25. ; / = ~

02. ; / = ~ 10. ; / = ~ 18. ; / = ~ 26. ; / = ~

03. ; / = ~ 11. ; / = ~ 19. ; / = ~ 27. ; / = ~

04. ; / = ~ 12. ; / = ~ 20. ; / = ~ 28. ; / = ~

05. ; / = ~ 13. ; / = ~ 21. ; / = ~ 29. ; / = ~

06. ; / = ~ 14. ; / = ~ 22. ; / = ~ 30. ; / = ~

07. ; / = ~ 15. ; / = ~ 23. ; / = ~

08. ; / = ~ 16. ; / = ~ 24. ; / = ~

|  |
| --- |
| **Mã đề: 275** |

**Câu 1.** Este no, đơn chức, mạch hở có công thức phân tử là

**A.** CnH2nO4 (n≥2). **B.** CnHnO3 (n≥2). **C.** CnH2nO (n≥2). **D.** CnH2nO2 (n≥2).

**Câu 2.** Chất nào sau đây thuộc loại monosaccarit?

**A.** Tinh bột. **B.** Fructozơ. **C.** Xenlulozơ. **D.** Saccarozơ.

**Câu 3.** Trong dung dịch, saccarozơ phản ứng với Cu(OH)2 cho dung dịch màu

**A.** tím. **B.** xanh lam. **C.** vàng. **D.** nâu đỏ.

**Câu 4.** Tỉ khối hơi của một este no, đơn chức X so với hiđro là 30. Công thức phân tử của X là

**A.** C3H6O2. **B.** C4H8O2. **C.** C2H4O2. **D.** C5H10O2.

**Câu 5.** Xà phòng hóa 8,8 gam etyl axetat bằng 200 ml dung dịch NaOH 0,2M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, cô cạn dung dịch thu được chất rắn khan có khối lượng là

**A.** 8,2 gam. **B.** 8,56 gam. **C.** 3,28 gam. **D.** 10,4 gam.

**Câu 6.** Thủy phân hoàn toàn tinh bột, thu được monosaccarit X. Hiđro hóa X, thu được chất hữu cơ Y. Hai chất X, Y lần lượt là

**A.** Glucozơ, sobitol. **B.**  Saccarozơ, glucozơ. **C.**  Glucozơ, axit gluconic. **D.**  Fructozơ, sobitol.

**Câu 7.** Số đồng phân este ứng với công thức phân tử C4H8O2 là **A.** 6. **B.** 2. **C.** 5. **D.** 4.

**Câu 8.** Quả chuối xanh có chứa chất X làm iot chuyển thành màu xanh tím. Chất X là:

**A.** Fructozơ. **B.** Glucozơ. **C.** Xenlulozơ. **D.** Tinh bột.

**Câu 9.** Este nào sau đây có mùi thơm của chuối chín?

**A.** Benzyl axetat. **B.** Isopropyl axetat. **C.** Propyl axetat. **D.** Isoamyl axetat.

**Câu 10.** Cho dãy các chất: phenyl axetat, anlyl axetat, metyl axetat, etyl fomat, tripanmitin. Số chất trong dãy khi thủy phân trong dung dịch NaOH (dư), đun nóng sinh ra ancol là: **A.**  5 **B.** 4 **C.**  2 **D.**  3

**Câu 11.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

**A.** Chất béo là trieste của etylen glicol với các axit béo.

**B.** Các chất béo thường không tan trong nước và nhẹ hơn nước.

**C.** Chất béo bị thủy phân khi đun nóng trong dung dịch kiềm.

**D.** Triolein có khả năng tham gia phản ứng cộng hiđro khi đun nóng có xúc tác Ni.

**Câu 12.** Công thức của axit oleic là

**A.** C2H5COOH. **B.** CH3COOH. **C.** C17H33COOH **D.** HCOOH.

**Câu 13.** Chất nào sau đây là axit béo?

**A.** Axit fomic. **B.** Axit propionic. **C.** Axit axetic. **D.** Axit panmitic.

**Câu 14.** Cho các phát biểu sau:(a) Glucozơ phản ứng với H2 (to, Ni) cho sản phẩm là sobitol.

(b) Trong môi trường axit, glucozơ và fructozơ có thể chuyển hóa lẫn nhau.

(c) Có thể phân biệt glucozơ và fructozơ bằng phản ứng với nước brom.

(d) Trong dung dịch, glucozơ và fructozơ đều hòa tan Cu(OH)2 ở nhiệt độ thường cho dung dịch màu xanh lam.

(e) Fructozơ là hợp chất đa chức.

(f) Có thể điều chế ancol etylic từ glucozơ bằng phương pháp lên men.

Số phát biểu đúng là: **A.** 2. **B.** 3. **C.** 5. **D.** 4.

**Câu 15.** Cho sơ đồ chuyển hoá: Triolein  X Y Z. Tên gọi của Z là

**A.** axit panmitic. **B.** axit oleic. **C.** axit linoleic. **D.** axit stearic.

**Câu 16.** Thuỷ phân hoàn toàn tinh bột trong dung dịch axit vô cơ loãng, thu được chất hữu cơ X. Cho X phản ứng với khí H2 (xúc tác Ni, to), thu được chất hữu cơ Y. Các chất X, Y lần lượt là:

**A.** glucozơ, saccarozơ. **B.** glucozơ, fructozơ. **C.** glucozơ, etanol. **D.** glucozơ, sobitol.

**Câu 17.** Metyl acrylat có công thức cấu tạo thu gọn là

**A.** CH3COOCH3. **B.** C2H5COOCH3. **C.** CH3COOC2H5. **D.** CH2=CHCOOCH3.

**Câu 18.** Hợp chất hữu cơ X có công thức phân tử là C4H8O3. X có khả năng tham gia phản ứng với Na, với dung dịch NaOH và phản ứng tráng bạc. Sản phẩm thuỷ phân của X trong môi trường kiềm có khả năng hoà tan Cu(OH)2 tạo thành dung dịch màu xanh lam. Công thức cấu tạo của X có thể là:

**A.**  CH3COOCH2CH2OH **B.** HCOOCH2CH2CH2OH **C.**  HCOOCH2CH(OH)CH3 **D.**  CH3CH(OH)CH(OH)CHO

**Câu 19.** Trong số các chất sau đây, chất nào có nhiệt độ sôi lớn nhất?

**A.** HCOOCH3 **B.** CH3COOH **C.** C3H7OH **D.** CH3CHO

**Câu 20.** Người ta dùng glucozơ để tráng ruột phích. Trung bình cần dùng 0,75 gam glucozơ cho một ruột phích. Tính khối lượng Ag có trong ruột phích biết hiệu suất phản ứng là 80%.

**A.**  0,36. **B.**  0,45. **C.** 0,9. **D.** 0,72.

**Câu 21.** Saccarozơ và glucozơ đều có phản ứng

**A.**  tráng bạc. **B.**  thủy phân. **C.** với Cu(OH)2. **D.**  cộng H2 (Ni, to).

**Câu 22.** Lên men 45 gam glucozơ để điều chế ancol etylic, hiệu suất phản ứng 80%, thu được V lít khí CO2 (đktc). Giá trị của V là **A.** 5,60. **B.** 11,20. **C.** 4,48. **D.** 8,96**.**

**Câu 23.** Thuỷ phân 324 gam tinh bột với hiệu suất của phản ứng là 75%, khối lượng glucozơ thu được là

**A.** 270 gam **B.** 360 gam **C.** 250 gam **D.** 300 gam.

**Câu 24.** Cho sơ đồ chuyển hoá: Glucozơ → X → Y → CH3COOH. Hai chất X, Y lần lượt là

**A.** CH3CH(OH)COOH và CH3CHO. **B.** CH3CHO và CH3CH2OH.

**C.** CH3CH2OH và CH3CHO. **D.** CH3CH2OH và CH2=CH2.

**Câu 25.**  Triolein **không** tác dụng với chất (hoặc dung dịch) nào sau đây?

**A.** H2 (xúc tác Ni, đun nóng). **B.** Cu(OH)2 (ở điều kiện thường).

**C.** H2O (xúc tác H2SO4 loãng, đun nóng). **D.** Dung dịch NaOH (đun nóng).

**Câu 26.** Chất nào sau đây **không** tham gia phản ứng thủy phân?

**A.** Protein **B.** Glucozơ **C.** Saccarozơ **D.** Tinh bột

**Câu 27.** Chất nào sau đây thuộc loại monosaccarit?

**A.** Tinh bột. **B.** Saccarozơ. **C.** Glixerol. **D.** Glucozơ.

**Câu 28.** Cho các phản ứng xảy ra theo sơ đồ sau:







Chất X là

**A.** vinyl axetat **B.** metyl acrylat **C.**  etyl format **D.**  etyl axetat

**Câu 29.** Xenlulozơ có cấu tạo mạch không phân nhánh, mỗi gốc C6H10O5 có 3 nhóm OH, nên có thể viết là

**A.** [C6H7O2(OH)3]n. **B.** [C6H8O2(OH)3]n. **C.** [C6H5O2(OH)3]n. **D.** [C6H7O3(OH)2]n.

**Câu 30.** Xenlulozơ thuộc loại polisaccarit, là thành phần chính tạo nên màng tế bào thực vật, có nhiều trong gỗ, bông gòn. Công thức của xenlulozơ là:

**A.** C12H22O11. **B.** C6H12O6. **C.** (C6H10O5)n. **D.**  C2H4O2.  **Sở GD-ĐT Hà Nội Kiểm tra giữa kì I - Năm học 2023-2024**

**Tr­ường THPT Trần Phú - HK Môn: Hóa 12 Ban CBA**

Thời gian: 45 phút

Họ tên học sinh: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .: . . . . . . . . . Lớp: 12. . .

***Học sinh chọn đáp án đúng***.

01. ; / = ~ 09. ; / = ~ 17. ; / = ~ 25. ; / = ~

02. ; / = ~ 10. ; / = ~ 18. ; / = ~ 26. ; / = ~

03. ; / = ~ 11. ; / = ~ 19. ; / = ~ 27. ; / = ~

04. ; / = ~ 12. ; / = ~ 20. ; / = ~ 28. ; / = ~

05. ; / = ~ 13. ; / = ~ 21. ; / = ~ 29. ; / = ~

06. ; / = ~ 14. ; / = ~ 22. ; / = ~ 30. ; / = ~

07. ; / = ~ 15. ; / = ~ 23. ; / = ~

08. ; / = ~ 16. ; / = ~ 24. ; / = ~

|  |
| --- |
| **Mã đề: 309** |

**Câu 1.** Chất nào sau đây thuộc loại monosaccarit?

**A.** Xenlulozơ. **B.** Saccarozơ. **C.** Tinh bột. **D.** Fructozơ.

**Câu 2.** Chất nào sau đây **không** tham gia phản ứng thủy phân?

**A.** Glucozơ **B.** Protein **C.** Tinh bột **D.** Saccarozơ

**Câu 3.** Cho dãy các chất: phenyl axetat, anlyl axetat, metyl axetat, etyl fomat, tripanmitin. Số chất trong dãy khi thủy phân trong dung dịch NaOH (dư), đun nóng sinh ra ancol là:

**A.** 4 **B.**  2 **C.**  5 **D.**  3

**Câu 4.** Thuỷ phân hoàn toàn tinh bột trong dung dịch axit vô cơ loãng, thu được chất hữu cơ X. Cho X phản ứng với khí H2 (xúc tác Ni, to), thu được chất hữu cơ Y. Các chất X, Y lần lượt là:

**A.** glucozơ, saccarozơ. **B.** glucozơ, etanol. **C.** glucozơ, fructozơ. **D.** glucozơ, sobitol.

**Câu 5.** Trong dung dịch, saccarozơ phản ứng với Cu(OH)2 cho dung dịch màu

**A.** xanh lam. **B.** nâu đỏ. **C.** tím. **D.** vàng.

**Câu 6.** Lên men 45 gam glucozơ để điều chế ancol etylic, hiệu suất phản ứng 80%, thu được V lít khí CO2 (đktc). Giá trị của V là **A.** 5,60. **B.** 8,96**. C.** 4,48. **D.** 11,20.

**Câu 7.** Cho sơ đồ chuyển hoá: Glucozơ → X → Y → CH3COOH. Hai chất X, Y lần lượt là

**A.** CH3CH2OH và CH2=CH2. **B.** CH3CH(OH)COOH và CH3CHO.

**C.** CH3CH2OH và CH3CHO. **D.** CH3CHO và CH3CH2OH.

**Câu 8.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

**A.** Triolein có khả năng tham gia phản ứng cộng hiđro khi đun nóng có xúc tác Ni.

**B.** Chất béo bị thủy phân khi đun nóng trong dung dịch kiềm.

**C.** Các chất béo thường không tan trong nước và nhẹ hơn nước.

**D.** Chất béo là trieste của etylen glicol với các axit béo.

**Câu 9.** Cho các phát biểu sau:(a) Glucozơ phản ứng với H2 (to, Ni) cho sản phẩm là sobitol.

(b) Trong môi trường axit, glucozơ và fructozơ có thể chuyển hóa lẫn nhau.

(c) Có thể phân biệt glucozơ và fructozơ bằng phản ứng với nước brom.

(d) Trong dung dịch, glucozơ và fructozơ đều hòa tan Cu(OH)2 ở nhiệt độ thường cho dung dịch màu xanh lam.

(e) Fructozơ là hợp chất đa chức.

(f) Có thể điều chế ancol etylic từ glucozơ bằng phương pháp lên men.

Số phát biểu đúng là: **A.** 4. **B.** 5. **C.** 3. **D.** 2.

**Câu 10.** Xenlulozơ thuộc loại polisaccarit, là thành phần chính tạo nên màng tế bào thực vật, có nhiều trong gỗ, bông gòn. Công thức của xenlulozơ là:

**A.** C12H22O11. **B.**  C2H4O2. **C.** C6H12O6. **D.** (C6H10O5)n.

**Câu 11.** Xà phòng hóa 8,8 gam etyl axetat bằng 200 ml dung dịch NaOH 0,2M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, cô cạn dung dịch thu được chất rắn khan có khối lượng là

**A.** 8,2 gam. **B.** 8,56 gam. **C.** 10,4 gam. **D.** 3,28 gam.

**Câu 12.** Este no, đơn chức, mạch hở có công thức phân tử là

**A.** CnH2nO (n≥2). **B.** CnH2nO4 (n≥2). **C.** CnHnO3 (n≥2). **D.** CnH2nO2 (n≥2).

**Câu 13.** Trong số các chất sau đây, chất nào có nhiệt độ sôi lớn nhất?

**A.** CH3COOH **B.** C3H7OH **C.** HCOOCH3 **D.** CH3CHO

**Câu 14.** Thuỷ phân 324 gam tinh bột với hiệu suất của phản ứng là 75%, khối lượng glucozơ thu được là

**A.** 300 gam. **B.** 360 gam **C.** 250 gam **D.** 270 gam

**Câu 15.** Chất nào sau đây thuộc loại monosaccarit?

**A.** Glucozơ. **B.** Glixerol. **C.** Tinh bột. **D.** Saccarozơ.

**Câu 16.** Công thức của axit oleic là

**A.** CH3COOH. **B.** C17H33COOH **C.** HCOOH. **D.** C2H5COOH.

**Câu 17.** Người ta dùng glucozơ để tráng ruột phích. Trung bình cần dùng 0,75 gam glucozơ cho một ruột phích. Tính khối lượng Ag có trong ruột phích biết hiệu suất phản ứng là 80%.**A.**  0,36. **B.** 0,72.**C.**  0,45. **D.** 0,9.

**Câu 18.** Hợp chất hữu cơ X có công thức phân tử là C4H8O3. X có khả năng tham gia phản ứng với Na, với dung dịch NaOH và phản ứng tráng bạc. Sản phẩm thuỷ phân của X trong môi trường kiềm có khả năng hoà tan Cu(OH)2 tạo thành dung dịch màu xanh lam. Công thức cấu tạo của X có thể là:

**A.** HCOOCH2CH2CH2OH **B.**  CH3CH(OH)CH(OH)CHO **C.**  HCOOCH2CH(OH)CH3 **D.**  CH3COOCH2CH2OH

**Câu 19.** Cho sơ đồ chuyển hoá: Triolein  X Y Z. Tên gọi của Z là

**A.** axit stearic. **B.** axit oleic. **C.** axit linoleic. **D.** axit panmitic.

**Câu 20.** Quả chuối xanh có chứa chất X làm iot chuyển thành màu xanh tím. Chất X là:

**A.** Xenlulozơ. **B.** Tinh bột. **C.** Fructozơ. **D.** Glucozơ.

**Câu 21.** Metyl acrylat có công thức cấu tạo thu gọn là

**A.** CH2=CHCOOCH3. **B.** CH3COOC2H5. **C.** CH3COOCH3. **D.** C2H5COOCH3.

**Câu 22.** Saccarozơ và glucozơ đều có phản ứng

**A.**  tráng bạc. **B.** với Cu(OH)2. **C.**  cộng H2 (Ni, to). **D.**  thủy phân.

**Câu 23.** Este nào sau đây có mùi thơm của chuối chín?

**A.** Propyl axetat. **B.** Benzyl axetat. **C.** Isopropyl axetat. **D.** Isoamyl axetat.

**Câu 24.** Cho các phản ứng xảy ra theo sơ đồ sau:







Chất X là **A.** vinyl axetat **B.**  etyl format **C.** metyl acrylat **D.**  etyl axetat

**Câu 25.** Tỉ khối hơi của một este no, đơn chức X so với hiđro là 30. Công thức phân tử của X là

**A.** C4H8O2. **B.** C5H10O2. **C.** C3H6O2. **D.** C2H4O2.

**Câu 26.** Thủy phân hoàn toàn tinh bột, thu được monosaccarit X. Hiđro hóa X, thu được chất hữu cơ Y. Hai chất X, Y lần lượt là

**A.** Glucozơ, sobitol. **B.**  Glucozơ, axit gluconic. **C.**  Fructozơ, sobitol. **D.**  Saccarozơ, glucozơ.

**Câu 27.** Chất nào sau đây là axit béo?

**A.** Axit panmitic. **B.** Axit fomic. **C.** Axit propionic. **D.** Axit axetic.

**Câu 28.** Xenlulozơ có cấu tạo mạch không phân nhánh, mỗi gốc C6H10O5 có 3 nhóm OH, nên có thể viết là

**A.** [C6H8O2(OH)3]n. **B.** [C6H7O3(OH)2]n. **C.** [C6H7O2(OH)3]n. **D.** [C6H5O2(OH)3]n.

**Câu 29.** Số đồng phân este ứng với công thức phân tử C4H8O2 là **A.** 5. **B.** 4. **C.** 2. **D.** 6.

**Câu 30.**  Triolein **không** tác dụng với chất (hoặc dung dịch) nào sau đây?

**A.** Cu(OH)2 (ở điều kiện thường). **B.** H2O (xúc tác H2SO4 loãng, đun nóng).

**C.** H2 (xúc tác Ni, đun nóng). **D.** Dung dịch NaOH (đun nóng). **Sở GD-ĐT Hà Nội Kiểm tra giữa kì I - Năm học 2023-2024**

**Tr­ường THPT Trần Phú - HK Môn: Hóa 12 Ban CBA**

Thời gian: 45 phút

Họ tên học sinh: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .: . . . . . . . . . Lớp: 12 . .

***Học sinh chọn đáp án đúng***.

01. ; / = ~ 09. ; / = ~ 17. ; / = ~ 25. ; / = ~

02. ; / = ~ 10. ; / = ~ 18. ; / = ~ 26. ; / = ~

03. ; / = ~ 11. ; / = ~ 19. ; / = ~ 27. ; / = ~

04. ; / = ~ 12. ; / = ~ 20. ; / = ~ 28. ; / = ~

05. ; / = ~ 13. ; / = ~ 21. ; / = ~ 29. ; / = ~

06. ; / = ~ 14. ; / = ~ 22. ; / = ~ 30. ; / = ~

07. ; / = ~ 15. ; / = ~ 23. ; / = ~

08. ; / = ~ 16. ; / = ~ 24. ; / = ~

|  |
| --- |
| **Mã đề: 343** |

**Câu 1.** Quả chuối xanh có chứa chất X làm iot chuyển thành màu xanh tím. Chất X là:

**A.** Fructozơ. **B.** Glucozơ. **C.** Xenlulozơ. **D.** Tinh bột.

**Câu 2.** Metyl acrylat có công thức cấu tạo thu gọn là

**A.** C2H5COOCH3. **B.** CH2=CHCOOCH3. **C.** CH3COOCH3. **D.** CH3COOC2H5.

**Câu 3.** Este nào sau đây có mùi thơm của chuối chín?

**A.** Propyl axetat. **B.** Isoamyl axetat. **C.** Isopropyl axetat. **D.** Benzyl axetat.

**Câu 4.** Số đồng phân este ứng với công thức phân tử C4H8O2 là **A.** 5. **B.** 6. **C.** 4. **D.** 2.

**Câu 5.** Hợp chất hữu cơ X có công thức phân tử là C4H8O3. X có khả năng tham gia phản ứng với Na, với dung dịch NaOH và phản ứng tráng bạc. Sản phẩm thuỷ phân của X trong môi trường kiềm có khả năng hoà tan Cu(OH)2 tạo thành dung dịch màu xanh lam. Công thức cấu tạo của X có thể là:

**A.**  CH3CH(OH)CH(OH)CHO **B.** HCOOCH2CH2CH2OH **C.**  CH3COOCH2CH2OH **D.**  HCOOCH2CH(OH)CH3

**Câu 6.** Người ta dùng glucozơ để tráng ruột phích. Trung bình cần dùng 0,75 gam glucozơ cho một ruột phích. Tính khối lượng Ag có trong ruột phích biết hiệu suất phản ứng là 80%.**A.** 0,72. **B.** 0,9. **C.**  0,36. **D.**  0,45.

**Câu 7.** Xà phòng hóa 8,8 gam etyl axetat bằng 200 ml dung dịch NaOH 0,2M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, cô cạn dung dịch thu được chất rắn khan có khối lượng là

**A.** 8,2 gam. **B.** 3,28 gam. **C.** 10,4 gam. **D.** 8,56 gam.

**Câu 8.** Công thức của axit oleic là

**A.** CH3COOH. **B.** C2H5COOH. **C.** C17H33COOH **D.** HCOOH.

**Câu 9.** Cho các phát biểu sau:(a) Glucozơ phản ứng với H2 (to, Ni) cho sản phẩm là sobitol.

(b) Trong môi trường axit, glucozơ và fructozơ có thể chuyển hóa lẫn nhau.

(c) Có thể phân biệt glucozơ và fructozơ bằng phản ứng với nước brom.

(d) Trong dung dịch, glucozơ và fructozơ đều hòa tan Cu(OH)2 ở nhiệt độ thường cho dung dịch màu xanh lam.

(e) Fructozơ là hợp chất đa chức.

(f) Có thể điều chế ancol etylic từ glucozơ bằng phương pháp lên men.

Số phát biểu đúng là: **A.** 5. **B.** 3. **C.** 2. **D.** 4.

**Câu 10.** Cho các phản ứng xảy ra theo sơ đồ sau:







Chất X là **A.**  etyl format **B.** metyl acrylat **C.** vinyl axetat **D.**  etyl axetat

**Câu 11.** Thủy phân hoàn toàn tinh bột, thu được monosaccarit X. Hiđro hóa X, thu được chất hữu cơ Y. Hai chất X, Y lần lượt là

**A.**  Fructozơ, sobitol. **B.**  Glucozơ, axit gluconic.**C.** Glucozơ, sobitol. **D.**  Saccarozơ, glucozơ.

**Câu 12.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

**A.** Các chất béo thường không tan trong nước và nhẹ hơn nước.

**B.** Chất béo bị thủy phân khi đun nóng trong dung dịch kiềm.

**C.** Triolein có khả năng tham gia phản ứng cộng hiđro khi đun nóng có xúc tác Ni.

**D.** Chất béo là trieste của etylen glicol với các axit béo.

**Câu 13.** Cho dãy các chất: phenyl axetat, anlyl axetat, metyl axetat, etyl fomat, tripanmitin. Số chất trong dãy khi thủy phân trong dung dịch NaOH (dư), đun nóng sinh ra ancol là:

**A.**  3 **B.**  5 **C.** 4 **D.**  2

**Câu 14.** Trong dung dịch, saccarozơ phản ứng với Cu(OH)2 cho dung dịch màu

**A.** tím. **B.** xanh lam. **C.** nâu đỏ. **D.** vàng.

**Câu 15.** Saccarozơ và glucozơ đều có phản ứng

**A.** với Cu(OH)2. **B.**  thủy phân. **C.**  cộng H2 (Ni, to). **D.**  tráng bạc.

**Câu 16.** Thuỷ phân 324 gam tinh bột với hiệu suất của phản ứng là 75%, khối lượng glucozơ thu được là

**A.** 300 gam. **B.** 360 gam **C.** 250 gam **D.** 270 gam

**Câu 17.** Tỉ khối hơi của một este no, đơn chức X so với hiđro là 30. Công thức phân tử của X là

**A.** C2H4O2. **B.** C4H8O2. **C.** C3H6O2. **D.** C5H10O2.

**Câu 18.** Xenlulozơ thuộc loại polisaccarit, là thành phần chính tạo nên màng tế bào thực vật, có nhiều trong gỗ, bông gòn. Công thức của xenlulozơ là:

**A.** C12H22O11. **B.**  C2H4O2. **C.** (C6H10O5)n. **D.** C6H12O6.

**Câu 19.** Cho sơ đồ chuyển hoá: Glucozơ → X → Y → CH3COOH. Hai chất X, Y lần lượt là

**A.** CH3CHO và CH3CH2OH. **B.** CH3CH(OH)COOH và CH3CHO.

**C.** CH3CH2OH và CH2=CH2. **D.** CH3CH2OH và CH3CHO.

**Câu 20.** Chất nào sau đây thuộc loại monosaccarit?

**A.** Glucozơ. **B.** Saccarozơ. **C.** Tinh bột. **D.** Glixerol.

**Câu 21.** Lên men 45 gam glucozơ để điều chế ancol etylic, hiệu suất phản ứng 80%, thu được V lít khí CO2 (đktc). Giá trị của V là **A.** 4,48. **B.** 8,96**. C.** 5,60. **D.** 11,20.

**Câu 22.** Chất nào sau đây **không** tham gia phản ứng thủy phân?

**A.** Saccarozơ **B.** Glucozơ **C.** Protein **D.** Tinh bột

**Câu 23.** Xenlulozơ có cấu tạo mạch không phân nhánh, mỗi gốc C6H10O5 có 3 nhóm OH, nên có thể viết là

**A.** [C6H7O2(OH)3]n. **B.** [C6H8O2(OH)3]n. **C.** [C6H5O2(OH)3]n. **D.** [C6H7O3(OH)2]n.

**Câu 24.** Cho sơ đồ chuyển hoá: Triolein  X Y Z. Tên gọi của Z là

**A.** axit panmitic. **B.** axit oleic. **C.** axit linoleic. **D.** axit stearic.

**Câu 25.**  Triolein **không** tác dụng với chất (hoặc dung dịch) nào sau đây?

**A.** H2O (xúc tác H2SO4 loãng, đun nóng). **B.** Cu(OH)2 (ở điều kiện thường).

**C.** H2 (xúc tác Ni, đun nóng). **D.** Dung dịch NaOH (đun nóng).

**Câu 26.** Chất nào sau đây là axit béo?

**A.** Axit propionic. **B.** Axit panmitic. **C.** Axit axetic. **D.** Axit fomic.

**Câu 27.** Chất nào sau đây thuộc loại monosaccarit?

**A.** Tinh bột. **B.** Xenlulozơ. **C.** Fructozơ. **D.** Saccarozơ.

**Câu 28.** Este no, đơn chức, mạch hở có công thức phân tử là

**A.** CnH2nO (n≥2). **B.** CnH2nO4 (n≥2). **C.** CnHnO3 (n≥2). **D.** CnH2nO2 (n≥2).

**Câu 29.** Trong số các chất sau đây, chất nào có nhiệt độ sôi lớn nhất?

**A.** C3H7OH **B.** HCOOCH3 **C.** CH3COOH **D.** CH3CHO

**Câu 30.** Thuỷ phân hoàn toàn tinh bột trong dung dịch axit vô cơ loãng, thu được chất hữu cơ X. Cho X phản ứng với khí H2 (xúc tác Ni, to), thu được chất hữu cơ Y. Các chất X, Y lần lượt là:

**A.** glucozơ, fructozơ. **B.** glucozơ, saccarozơ. **C.** glucozơ, sobitol. **D.** glucozơ, etanol. **Sở GD-ĐT Hà Nội Kiểm tra giữa kì I - Năm học 2023-2024**

**Tr­ường THPT Trần Phú - HK Môn: Hóa 12 Ban CBA**

Thời gian: 45 phút

Họ tên học sinh: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .: . . . . . . . . . Lớp: 12. . .

***Học sinh chọn đáp án đúng***.

01. ; / = ~ 09. ; / = ~ 17. ; / = ~ 25. ; / = ~

02. ; / = ~ 10. ; / = ~ 18. ; / = ~ 26. ; / = ~

03. ; / = ~ 11. ; / = ~ 19. ; / = ~ 27. ; / = ~

04. ; / = ~ 12. ; / = ~ 20. ; / = ~ 28. ; / = ~

05. ; / = ~ 13. ; / = ~ 21. ; / = ~ 29. ; / = ~

06. ; / = ~ 14. ; / = ~ 22. ; / = ~ 30. ; / = ~

07. ; / = ~ 15. ; / = ~ 23. ; / = ~

08. ; / = ~ 16. ; / = ~ 24. ; / = ~

|  |
| --- |
| **Mã đề: 377** |

**Câu 1.** Công thức của axit oleic là

**A.** CH3COOH. **B.** C17H33COOH **C.** C2H5COOH. **D.** HCOOH.

**Câu 2.** Thuỷ phân 324 gam tinh bột với hiệu suất của phản ứng là 75%, khối lượng glucozơ thu được là

**A.** 250 gam **B.** 270 gam **C.** 360 gam **D.** 300 gam.

**Câu 3.** Este nào sau đây có mùi thơm của chuối chín?

**A.** Isopropyl axetat. **B.** Propyl axetat. **C.** Benzyl axetat. **D.** Isoamyl axetat.

**Câu 4.** Tỉ khối hơi của một este no, đơn chức X so với hiđro là 30. Công thức phân tử của X là

**A.** C5H10O2. **B.** C3H6O2. **C.** C4H8O2. **D.** C2H4O2.

**Câu 5.** Thuỷ phân hoàn toàn tinh bột trong dung dịch axit vô cơ loãng, thu được chất hữu cơ X. Cho X phản ứng với khí H2 (xúc tác Ni, to), thu được chất hữu cơ Y. Các chất X, Y lần lượt là:

**A.** glucozơ, sobitol. **B.** glucozơ, saccarozơ. **C.** glucozơ, etanol. **D.** glucozơ, fructozơ.

**Câu 6.** Hợp chất hữu cơ X có công thức phân tử là C4H8O3. X có khả năng tham gia phản ứng với Na, với dung dịch NaOH và phản ứng tráng bạc. Sản phẩm thuỷ phân của X trong môi trường kiềm có khả năng hoà tan Cu(OH)2 tạo thành dung dịch màu xanh lam. Công thức cấu tạo của X có thể là:

**A.** HCOOCH2CH2CH2OH **B.**  CH3COOCH2CH2OH **C.**  CH3CH(OH)CH(OH)CHO **D.**  HCOOCH2CH(OH)CH3

**Câu 7.** Số đồng phân este ứng với công thức phân tử C4H8O2 là **A.** 5. **B.** 4. **C.** 2. **D.** 6.

**Câu 8.** Cho sơ đồ chuyển hoá: Triolein  X Y Z. Tên gọi của Z là

**A.** axit panmitic. **B.** axit oleic. **C.** axit linoleic. **D.** axit stearic.

**Câu 9.** Xenlulozơ có cấu tạo mạch không phân nhánh, mỗi gốc C6H10O5 có 3 nhóm OH, nên có thể viết là

**A.** [C6H8O2(OH)3]n. **B.** [C6H7O2(OH)3]n. **C.** [C6H7O3(OH)2]n. **D.** [C6H5O2(OH)3]n.

**Câu 10.** Saccarozơ và glucozơ đều có phản ứng

**A.**  thủy phân. **B.**  tráng bạc. **C.** với Cu(OH)2. **D.**  cộng H2 (Ni, to).

**Câu 11.** Chất nào sau đây **không** tham gia phản ứng thủy phân?

**A.** Glucozơ **B.** Saccarozơ **C.** Tinh bột **D.** Protein

**Câu 12.** Xenlulozơ thuộc loại polisaccarit, là thành phần chính tạo nên màng tế bào thực vật, có nhiều trong gỗ, bông gòn. Công thức của xenlulozơ là:

**A.** (C6H10O5)n. **B.** C12H22O11. **C.**  C2H4O2. **D.** C6H12O6.

**Câu 13.** Cho sơ đồ chuyển hoá: Glucozơ → X → Y → CH3COOH. Hai chất X, Y lần lượt là

**A.** CH3CH2OH và CH2=CH2. **B.** CH3CH(OH)COOH và CH3CHO.

**C.** CH3CHO và CH3CH2OH. **D.** CH3CH2OH và CH3CHO.

**Câu 14.** Xà phòng hóa 8,8 gam etyl axetat bằng 200 ml dung dịch NaOH 0,2M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, cô cạn dung dịch thu được chất rắn khan có khối lượng là

**A.** 10,4 gam. **B.** 8,56 gam. **C.** 8,2 gam. **D.** 3,28 gam.

**Câu 15.** Chất nào sau đây là axit béo?

**A.** Axit propionic. **B.** Axit panmitic. **C.** Axit axetic. **D.** Axit fomic.

**Câu 16.** Thủy phân hoàn toàn tinh bột, thu được monosaccarit X. Hiđro hóa X, thu được chất hữu cơ Y. Hai chất X, Y lần lượt là **A.**  Saccarozơ, glucozơ. **B.**  Glucozơ, axit gluconic. **C.** Glucozơ, sobitol. **D.**  Fructozơ, sobitol.

**Câu 17.** Chất nào sau đây thuộc loại monosaccarit?

**A.** Saccarozơ. **B.** Glixerol. **C.** Tinh bột. **D.** Glucozơ.

**Câu 18.** Chất nào sau đây thuộc loại monosaccarit?

**A.** Xenlulozơ. **B.** Fructozơ. **C.** Saccarozơ. **D.** Tinh bột.

**Câu 19.** Cho dãy các chất: phenyl axetat, anlyl axetat, metyl axetat, etyl fomat, tripanmitin. Số chất trong dãy khi thủy phân trong dung dịch NaOH (dư), đun nóng sinh ra ancol là: **A.** 4 **B.**  5 **C.**  2 **D.**  3

**Câu 20.** Quả chuối xanh có chứa chất X làm iot chuyển thành màu xanh tím. Chất X là:

**A.** Tinh bột. **B.** Xenlulozơ. **C.** Fructozơ. **D.** Glucozơ.

**Câu 21.** Trong dung dịch, saccarozơ phản ứng với Cu(OH)2 cho dung dịch màu

**A.** vàng. **B.** nâu đỏ. **C.** xanh lam. **D.** tím.

**Câu 22.** Cho các phản ứng xảy ra theo sơ đồ sau:







Chất X là **A.** metyl acrylat **B.**  etyl format **C.**  etyl axetat **D.** vinyl axetat

**Câu 23.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

**A.** Chất béo là trieste của etylen glicol với các axit béo.

**B.** Chất béo bị thủy phân khi đun nóng trong dung dịch kiềm.

**C.** Triolein có khả năng tham gia phản ứng cộng hiđro khi đun nóng có xúc tác Ni.

**D.** Các chất béo thường không tan trong nước và nhẹ hơn nước.

**Câu 24.**  Triolein **không** tác dụng với chất (hoặc dung dịch) nào sau đây?

**A.** Cu(OH)2 (ở điều kiện thường). **B.** Dung dịch NaOH (đun nóng).

**C.** H2O (xúc tác H2SO4 loãng, đun nóng). **D.** H2 (xúc tác Ni, đun nóng).

**Câu 25.** Trong số các chất sau đây, chất nào có nhiệt độ sôi lớn nhất?

**A.** CH3COOH **B.** HCOOCH3 **C.** CH3CHO **D.** C3H7OH

**Câu 26.** Este no, đơn chức, mạch hở có công thức phân tử là

**A.** CnH2nO (n≥2). **B.** CnHnO3 (n≥2). **C.** CnH2nO2 (n≥2). **D.** CnH2nO4 (n≥2).

**Câu 27.** Người ta dùng glucozơ để tráng ruột phích. Trung bình cần dùng 0,75 gam glucozơ cho một ruột phích. Tính khối lượng Ag có trong ruột phích biết hiệu suất phản ứng là 80%.

**A.**  0,45. **B.** 0,9. **C.** 0,72. **D.**  0,36.

**Câu 28.** Cho các phát biểu sau:(a) Glucozơ phản ứng với H2 (to, Ni) cho sản phẩm là sobitol.

(b) Trong môi trường axit, glucozơ và fructozơ có thể chuyển hóa lẫn nhau.

(c) Có thể phân biệt glucozơ và fructozơ bằng phản ứng với nước brom.

(d) Trong dung dịch, glucozơ và fructozơ đều hòa tan Cu(OH)2 ở nhiệt độ thường cho dung dịch màu xanh lam.

(e) Fructozơ là hợp chất đa chức.

(f) Có thể điều chế ancol etylic từ glucozơ bằng phương pháp lên men.

Số phát biểu đúng là: **A.** 4. **B.** 3. **C.** 5. **D.** 2.

**Câu 29.** Lên men 45 gam glucozơ để điều chế ancol etylic, hiệu suất phản ứng 80%, thu được V lít khí CO2 (đktc). Giá trị của V là

**A.** 8,96**. B.** 5,60. **C.** 11,20. **D.** 4,48.

**Câu 30.** Metyl acrylat có công thức cấu tạo thu gọn là

**A.** C2H5COOCH3. **B.** CH3COOCH3. **C.** CH3COOC2H5. **D.** CH2=CHCOOCH3.  **Sở GD-ĐT Hà Nội Kiểm tra giữa kì I - Năm học 2023-2024**

**Tr­ường THPT Trần Phú - HK Môn: Hóa 12 Ban CBA**

Thời gian: 45 phút

Họ tên học sinh: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .: . . . . . . . . . Lớp: 12. . .

***Học sinh chọn đáp án đúng***.

**Đáp án mã đề: 139**

01. D; 02. A; 03. B; 04. A; 05. D; 06. C; 07. C; 08. A; 09. C; 10. C; 11. A; 12. A; 13. A; 14. B; 15. C;

16. D; 17. D; 18. B; 19. A; 20. B; 21. D; 22. C; 23. B; 24. A; 25. D; 26. B; 27. D; 28. C; 29. B; 30. D;

**Đáp án mã đề: 173**

01. D; 02. D; 03. B; 04. C; 05. A; 06. B; 07. C; 08. D; 09. C; 10. A; 11. C; 12. A; 13. B; 14. B; 15. B;

16. B; 17. D; 18. C; 19. C; 20. A; 21. C; 22. B; 23. C; 24. D; 25. C; 26. C; 27. C; 28. C; 29. A; 30. C;

**Đáp án mã đề: 207**

01. B; 02. C; 03. A; 04. C; 05. D; 06. B; 07. D; 08. C; 09. A; 10. B; 11. B; 12. C; 13. B; 14. C; 15. B;

16. D; 17. B; 18. A; 19. B; 20. C; 21. B; 22. D; 23. D; 24. D; 25. B; 26. A; 27. B; 28. B; 29. B; 30. A;

**Đáp án mã đề: 241**

01. D; 02. A; 03. C; 04. A; 05. A; 06. B; 07. A; 08. A; 09. C; 10. A; 11. B; 12. A; 13. C; 14. C; 15. D;

16. C; 17. A; 18. C; 19. B; 20. D; 21. C; 22. B; 23. B; 24. C; 25. D; 26. D; 27. B; 28. D; 29. D; 30. D;

**Đáp án mã đề: 275**

01. D; 02. B; 03. B; 04. C; 05. C; 06. A; 07. D; 08. D; 09. D; 10. B; 11. A; 12. C; 13. D; 14. D; 15. D;

16. D; 17. D; 18. C; 19. B; 20. D; 21. C; 22. D; 23. A; 24. C; 25. B; 26. B; 27. D; 28. A; 29. A; 30. C;

**Đáp án mã đề: 309**

01. D; 02. A; 03. A; 04. D; 05. A; 06. B; 07. C; 08. D; 09. A; 10. D; 11. D; 12. D; 13. A; 14. D; 15. A;

16. B; 17. B; 18. C; 19. A; 20. B; 21. A; 22. B; 23. D; 24. A; 25. D; 26. A; 27. A; 28. C; 29. B; 30. A;

**Đáp án mã đề: 343**

01. D; 02. B; 03. B; 04. C; 05. D; 06. A; 07. B; 08. C; 09. D; 10. C; 11. C; 12. D; 13. C; 14. B; 15. A;

16. D; 17. A; 18. C; 19. D; 20. A; 21. B; 22. B; 23. A; 24. D; 25. B; 26. B; 27. C; 28. D; 29. C; 30. C;

**Đáp án mã đề: 377**

01. B; 02. B; 03. D; 04. D; 05. A; 06. D; 07. B; 08. D; 09. B; 10. C; 11. A; 12. A; 13. D; 14. D; 15. B;

16. C; 17. D; 18. B; 19. A; 20. A; 21. C; 22. D; 23. A; 24. A; 25. A; 26. C; 27. C; 28. A; 29. A; 30. D;